

Số: 03/CV-TTYT
V/v mời báo giá Mua sắm vật tư, sinh
phẩm y tế phục vụ khám chữa bệnh

Quế Võ, ngày 03 tháng 01 năm 2025

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Trung tâm Y tế thị xã Quế Võ có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá hàng hóa, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu: Mua sắm vật tư, sinh phẩm y tế phục vụ khám chữa bệnh của Trung tâm Y tế thị xã Quế Võ với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá

- Tên chủ đầu tư: Trung tâm Y tế thị xã Quế Võ.
- Địa chỉ: Khu phố Đình, Phường Phố Mới, Thị xã Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh.

2. Thông tin liên hệ

- Họ tên: Đỗ Thị Thảo.
- Chức vụ: Nhân viên Khoa Dược-VT-TBYT.
- Số điện thoại: 0969.986.830
- Địa chỉ email: duoc.ttytquevo@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Báo giá được gửi bằng một trong hai hình thức sau đây:
 - + Nhận trực tiếp bản cứng (có chữ ký, đóng dấu đỏ) tại địa chỉ: Khoa Dược-VT-TBYT, Trung tâm Y tế thị xã Quế Võ. Địa chỉ: phường Phố Mới, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.
 - + Hoặc nhận bản scan PDF (có chữ ký, đóng dấu đỏ và file word hoặc excel) tại địa chỉ Email: duoc.ttytquevo@gmail.com

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá:

- Từ ngày 03/01/2025 đến trước 10 giờ 00 phút ngày 14/01/2025.
- Các báo giá nhận được sau thời điểm trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 14/01/2025

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục vật tư, thiết bị y tế/ yêu cầu chi tiết: Theo phụ lục đính kèm

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản vật tư, thiết bị y tế:

- Giao hàng tại kho vật tư, Khoa Dược-VT-TBYT, Trung tâm Y tế thị xã Quế Võ, Khu phố Đình, Phường Phố Mới, Thị xã Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh.

- Trong vòng 48 giờ kể từ ngày nhận được yêu cầu (bằng fax, email hoặc điện thoại...) từ Trung tâm Y tế thị xã Quế Võ, trong vòng 24 giờ đối với trường hợp Chủ đầu tư yêu cầu giao hàng gấp, cấp cứu để đảm bảo tính liên tục của hàng hóa sau khi hàng hóa được đưa vào sử dụng.

3. Thời gian thực hiện Hợp đồng dự kiến: 12 tháng (365 ngày) kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

4. Dự kiến về các khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Tạm ứng: Không tạm ứng

- Thanh toán theo từng đợt giao hàng, thời hạn thanh toán không quá 90 ngày kể từ ngày hoàn tất các thủ tục thanh toán (hóa đơn, biên bản bàn giao, chứng từ liên quan theo quy định).

- Đồng tiền thanh toán theo Hợp đồng: là đồng Việt Nam.

5. Các thông tin khác (nếu có):

- Chất lượng hàng hóa mới 100%

- Báo giá đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có)...và các khoản chi phí, dịch vụ liên quan để thực hiện gói thầu. Bên mua không phải trả thêm bất kỳ khoản chi phí nào khác.

- Đề nghị các nhà cung cấp tại Việt Nam báo giá theo **Mẫu báo giá** đơn vị đính kèm.

Trung tâm Y tế thị xã Quế Võ xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- Công TTĐT UBND tỉnh Bắc Ninh (đăng tải)
- Trung tâm KSBT tỉnh Bắc Ninh (đăng tải)
- Lưu: VT, HSĐT.

GIÁM ĐỐC

Đỗ Đức Huy

PHỤ LỤC

(Kèm theo Công văn số 03/CV-TTYT ngày 03/01/2025 của Trung tâm Y tế thị xã Quế Võ)

BÁO GIÁ

Kính gửi: Trung tâm Y tế thị xã Quế Võ

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Trung tâm Y tế thị xã Quế Võ, chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các vật tư, thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các vật tư, thiết bị y tế và dịch vụ liên quan như sau:

STT	Danh mục hàng hóa	Ký, mã, nhãn hiệu, model	Đặc tính, quy cách, thông số kỹ thuật	Mã HS	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Số lượng/ Khối lượng	Quy cách	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	Hàng hóa A										
2	Hàng hóa B										
3										
Tổng cộng:											

(Gửi kèm theo một trong các tài liệu sau: Tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật; các quyết định trúng thầu; hợp đồng tương tự hoặc các tài liệu liên quan của hàng hóa (nếu có))

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: 90 ngày kể từ ngày 14/01/2025.

3. Báo giá đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có)...và các khoản chi phí, dịch vụ liên quan để thực hiện gói thầu. Bên mua không phải trả thêm bất kỳ khoản chi phí nào khác.

4. Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về việc cung cấp thông tin về giá của hàng hóa, dịch vụ phù hợp với khả năng cung cấp của mình và đảm bảo việc cung cấp báo giá không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá hoặc nâng khống giá.

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

Ngày.....tháng.....năm 2025

**Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà
cung cấp**

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

PHỤ LỤC DANH MỤC

(Kèm theo Công văn số 03/CV-TTYT ngày 03/01/2025 của Trung tâm Y tế thị xã Quế Võ)

STT	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
I. Danh mục vật tư, sinh phẩm y tế				
1. Vật tư y tế tiêu hao				
1	Bông y tế	Sản xuất từ 100% bông xơ tự nhiên, có độ thấm hút cao. Bông trắng, xơ bông mảnh, mềm mại trắng mịn. Tốc độ hút nước $\leq 5s$, độ ẩm $\leq 8\%$. Hàm lượng chất béo không vượt quá 0,5%, các chất tan trong nước $\leq 0,5\%$ Đạt ISO 9001, GMP, CE, FDA	Kg	155
2	Tăm bông sản khoa	Chiều liệu ống, nắp, que bằng nhựa, đầu cotton, chiều dài 175mm. Đóng gói riêng từng chiếc, tiệt trùng bằng EO Gas. Được sử dụng để thu thập, lưu trữ, truyền mẫu vật. Được sử dụng rộng rãi trong nha khoa, da liễu, phụ khoa, tiết niệu và các mẫu bệnh phẩm khác.	Chiếc	5.000
3	Dầu parafin dạng lít	Parafin lỏng, không màu, trong suốt, không mùi	Lít	10
4	Bột bó	Được làm từ bột thạch cao nguyên chất. Gạc 100% cotton, thời gian đông kết nhanh từ 2-4 phút tạo ra khung định hình nhẹ và chắc chắn. Kích thước từ 15cm x 270cm Đóng gói: Túi 1 cuộn	Cuộn	1.000
5	Sonde dạ dày	Được sản xuất từ nhựa PVC y tế, dây mềm. Một đầu dây gắn phễu có nắp đậy, đầu còn lại được bo tròn. Có các lỗ hình bầu	Chiếc	50

STT	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
		dục nằm đối xứng 2 bên thành ống. 6Fr chiều dài 500m, 8-18Fr dài 1250mm. Trên dây có các vạch đánh dấu. Mỗi dây được đóng gói vào 01 túi và được tiệt trùng bằng khí EO		
6	Sonde JJ	Chất liệu Polyurethane mềm, kháng tia bức xạ, lưu trong cơ thể tối đa 6 tháng. Các cỡ: 3Fr, 4Fr, 5Fr, 6Fr, 6,5Fr, 7Fr, 8Fr; Chiều dài 26cm. Bao gồm: 1 Sonde JJ màu trắng + 1 kẹp màu xanh + 1 que đẩy màu đỏ + sợi chỉ chuyên dụng.	Chiếc	100
2. Sinh phẩm chẩn đoán in vitro				
7	Khay thử định tính phát hiện HbsAg	<ul style="list-style-type: none"> - Phát hiện định tính kháng nguyên HBsAg trong mẫu huyết thanh, huyết tương người, phù hợp để sử dụng trên mẫu phụ nữ mang thai. - Độ nhạy: 100% (Khoảng tin cậy 96.2 - 100%); Độ đặc hiệu: 100% (Khoảng tin cậy 97.9 - 100%) - Thời gian trả kết quả: 20 phút - Thể tích mẫu sử dụng: huyết thanh/huyết tương: 100 µL; Không cần sử dụng dung dịch đệm (chase buffer) cho mẫu máu huyết thanh, huyết tương. - Nhiệt độ bảo quản: 1 – 30 °C - Không có phản ứng chéo với các mẫu HCV, HAV, CMV, EBV, Parvovirus, HIV, VZV, Syphilis, Rubella, HTLV và HSV. - Kít thử ổn định ít nhất 20 tuần khi để ở nhiệt độ 55°C 	Test	6.000

STT	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
		- Đạt tiêu chuẩn: ISO		
8	Test nhanh phát hiện kháng thể kháng virus HIV	<ul style="list-style-type: none"> - Phát hiện tất cả các type kháng thể (IgG, IgM, IgA) đặc hiệu với virus HIV-1 gồm type phụ O và HIV-2 và phân biệt trong mẫu huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần. - Độ nhạy: 100%; Độ đặc hiệu: 99.8%. - 1 test thử bao gồm: Phức hợp vàng: Kháng nguyên HIV-1 gp41, p24, HIV-2 gp36 tái tổ hợp – chất keo vàng ($1,0 \pm 0,2 \mu\text{g}$); Vạch thử 1: Kháng nguyên HIV -1 tái tổ hợp (gp41, p24) ($0,625 \pm 0,125 \mu\text{g}$); Vạch thử 2: Kháng nguyên HIV -2 tái tổ hợp (gp36) ($0,5 \pm 0,1 \mu\text{g}$); Vạch chứng: Huyết thanh dê có kháng thể HIV ($0,75 \pm 0,15 \mu\text{g}$). - Thời gian trả kết quả: 10 – 20 phút - Thể tích mẫu sử dụng: huyết thanh/huyết tương: 10 uL; máu toàn phần: 20uL - Nhiệt độ bảo quản: 1 – 30 °C - Không có phản ứng chéo với các mẫu thẩm tách máu, mẫu rối loạn đông máu, mẫu chứa yếu tố dạng thấp, mẫu dương tính với kháng thể kháng HCV và mẫu máu phụ nữ mang thai. - Được ban hành trong Hướng dẫn Quản Lý, Điều trị và Chăm sóc HIV/AIDS của BHYT hiện hành. - Được đánh giá bởi WHO, USAID, được ban hành trong Khuyến cáo phương cách xét nghiệm chẩn đoán HIV quốc gia năm 2020 của Viện vệ sinh dịch tễ trung ương. 	Test	3.480

STT	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
		- Quy cách: Hộp 30 test		
9	Test định tính phát hiện kháng thể kháng virus HIV	Card xét nghiệm nhanh HIV 1/2 Triline là xét nghiệm sắc ký dòng chảy chậm dưới dạng thanh thử cassette. Cộng hợp vàng liên kết với kháng nguyên tái tổ hợp (Au-Ag) liên kết với HIV-1 (gp120 + gp41) và HIV-2 (gp-36) được bất động khô ở phía cuối của màng nitrocellulose. Kháng nguyên HIV-1 và HIV-2 được liên kết ở vùng vạch Thử (T1 và T2) tương ứng. Kháng thể IgG dê kháng chuột được liên kết ở vùng vạch Chứng (C). Độ nhạy 99,6%; Độ đặc hiệu 99,8%. Bảo quản từ 2-40 độ C. ISO-13485	Test	1.500
10	Huyết thanh mẫu Anti -A	Chất thử kháng nguyên đơn dòng để xác định nhóm máu. Anti-A. Lọ 10ml	Lọ	48
11	Huyết thanh mẫu Anti -AB	Chất thử kháng nguyên đơn dòng để xác định nhóm máu. Anti-B. Lọ 10ml	Lọ	48
12	Huyết thanh mẫu Anti -B	Chất thử kháng nguyên đơn dòng để xác định nhóm máu. Anti-C. Lọ 10ml	Lọ	48
13	Huyết thanh mẫu Anti -D	Chất thử kháng nguyên đơn dòng để xác định nhóm máu. Anti-D. Lọ 10ml	Lọ	40
14	Test thử ma túy tổng hợp	Panel thử xét nghiệm định tính Amphetamine, Methamphetamine, Morphine và Marijuana (THC) (Panel thử phát hiện AMP/MET/MOP/THC) trong nước tiểu người khi nồng độ và/ hoặc chất chuyển hóa của chúng vượt ngưỡng phát hiện	Test	100

STT	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
		<p>tương ứng. Hoạt chất chính: Kháng thể kháng AMP, Kháng thể kháng MET, Kháng thể kháng MOP, Kháng thể kháng THC, công hợp AMP-BSA, công hợp MET-BSA, công hợp MOP-BSA, công hợp THC-BSA</p> <p>1, MOP: Ngưỡng phát hiện (cut off) 300 ng/ml 2, MET: Ngưỡng phát hiện (cut-off) 1000 ng/ml 3, AMP: Ngưỡng phát hiện (cut-off) 1000ng/ml 4, THC: Ngưỡng phát hiện (cut off) 50 ng/ml</p> <p>Độ nhạy tương quan 100%, Độ đặc hiệu tương quan 100%, Độ chính xác tương quan 100%</p> <p>Độ chính xác ngẫu nhiên lặp: 100%</p> <p>Không bị gây nhiễu bởi các chất sau tại nồng độ 100 µg/mL::Ampicillin, 4-Acetamidophenol, Oxazepam, Nifedipine, Uric acid</p> <p>Đọc kết quả tại 5 phút</p>		
15	Test Định tính phát hiện kháng thể kháng HCV	<p>Phát hiện kháng thể đặc hiệu kháng HCV trong mẫu huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần người. Được thiết kế để sử dụng trong quần thể có tỷ lệ nhiễm HCV cao hoặc những người có tiền sử phơi nhiễm/hành vi nhiễm HCV bao gồm cả phụ nữ mang thai.</p> <p>- Độ nhạy: 100%; Độ đặc hiệu: 99.4% (so với xét nghiệm xác nhận sử dụng RT-PCR)</p> <p>- 1 test thử bao gồm:</p>	Test	500

STT	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
		+ Phức hợp vàng: Protein A – chất keo vàng + Vạch thử: Kháng nguyên HCV tái tổ hợp (lõi, NS3, NS4, NS5) (1,5±0,3 µg) + Vạch chứng: Globulin miễn dịch dê kháng người (2,0±0,4 µg) - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485		
16	Test phát hiện kháng nguyên virus Dengue NS1	Định tính phát hiện sự có mặt của kháng nguyên Dengue NS1 trong huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần của người. Hoạt chất chính: Các kháng thể đơn dòng kháng Dengue NS1. Quy cách: 30 khay thử, 30 Pipet nhựa, 1 Lọ dung dịch đệm, 1 HDSD. - Độ nhạy tương quan: 100%; - Độ đặc hiệu tương quan: 98,75%; - Độ chính xác tương quan: 99.0%. Ngưỡng phát hiện (LoD): 0.25 ng/mL. Không phản ứng chéo với các mẫu dương tính HBsAg, H. Pylori Ab, TB, HIV Ab, HAV Ab, HCV, RF, CMV, Malaria Ab, HSV-1, HSV-2. Không bị gây nhiễu bởi Hemoglobin ở nồng độ 0,67-2 g/L và IgG người ở nồng độ 333-1.000 mg/dL Phân loại BHYT: C Đọc kết quả tại 15 phút	Test	150
3. Thanh thử nước tiểu				

STT	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
18	Thanh thử nước tiểu 10SG	<p>- Các chỉ số đo: Glucose, Bilirubin, Ketone, pH, Blood, Nitrite, Protein, Urobilinogen, Leukocyte, SG.</p> <p>- Dải đo của các chỉ số:</p> <p>Protein: 15-30mg/dL albumin Blood: 0.015-0.062mg/dL hemoglobin Leukocyte: 5-15 Nitrite: 0.06-0.1mg/dL nitrite ion Glucose: 75-125mg/dL Ketone: 5-10mg/dL acetoacetic acid pH: 4.6- 8.0 SG: 1.001-1.035 Bilirubin: 0.4-0.8mg/dL Urobilinogen: 0.2EU/dL</p>	Test	1.000
19	Thanh thử nước tiểu đo 11 thông số	<p>Các thông số đo được:</p> <p>Ascorbic Acid (ASC), Glucose (GLU), Bilirubin (BIL), Ketone (KET), Specific Gravity (SG), Blood (BLO), pH, Protein (PRO), Urobilinogen (URO), Nitrite (NIT), Leukocytes (LEU).</p> <p>- Dải đo của các chỉ số:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Ascorbic Acid (ASC): 5-10 mg/dL (0.28-0.56 mmol/L). • Glucose (GLU): 50-100 mg/dL (2.5-5mmol/L) • Bilirubin (BIL): 0.4-1.0 mg/dL (6.8-17 µmol/L) • Ketone (KET): 2.5-5 mg/dL (0.25-0.5 mmol/L). • Specific Gravity (SG): 1.000 đến 1.030 	Test	53.000

STT	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
		<ul style="list-style-type: none"> • Blood (BLO): 0.018-0.060 mg/dL hoặc 5-10 Ery/μL trong mẫu nước tiểu có nồng độ axit ascorbic • pH: 5 - 9 • Protein (PRO): 7.5-15 mg/dL (0.075-0.15 g/L). • Urobilinogen (URO): 0.2-1.0 mg/dL (3.5-17 μmol/L) • Nitrite (NIT): 0.05-0.1 mg/dL • Leukocytes (LEU): 9-15 tế bào bạch cầu Leu/μL Quy cách đóng gói: 100 test / hộp		
II. Danh mục vật tư y tế mua sắm tập trung cấp địa phương năm 2024-2025				
1	Bơm tiêm Insulin, dùng 1 lần 100UI/ml	<ul style="list-style-type: none"> - Bơm tiêm 1ml, thiết kế 100UI. - Chất liệu: nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh. - Có nắp chụp. - Đầu kim vát 3 cạnh, thân kim làm bằng thép không gỉ. - Đốc kim đúc liền với vỏ xy lanh. - Kim cỡ 30Gx8mm. - Đã được tiệt trùng. 	Cái	180.000
2	Bơm tiêm nhựa 10ml	<ul style="list-style-type: none"> - Bơm tiêm 10ml. - Chất liệu: nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh. - Có vạch chia dung tích. - Pittông: có khóa bẻ gãy để hủy. 	Cái	60.000

STT	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
		<ul style="list-style-type: none"> - Kim làm bằng thép không gỉ, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23Gx1”, 25Gx1”. - Đã được tiệt trùng. - Đạt tiêu chuẩn TCVN 5903 hoặc ISO 7886 hoặc tương đương. - Xuất xứ: Việt Nam 		
3	Bơm tiêm nhựa 1ml	<ul style="list-style-type: none"> - Bơm tiêm 1ml. - Chất liệu: nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh - Có vạch chia dung tích. - Pittông: có khóa bẻ gãy để hủy. - Gioăng có núm bơm hết hành trình giúp tiêm hết thuốc. - Kim làm bằng thép không gỉ, vát 3 cạnh. Kim cỡ 26Gx1/2”. - Đã được tiệt trùng. - Đạt tiêu chuẩn TCVN 5903 hoặc ISO 7886 hoặc tương đương. - Xuất xứ: Việt Nam 	Cái	1.000
4	Bơm tiêm nhựa 50ml	<ul style="list-style-type: none"> - Bơm tiêm 50ml. - Chất liệu: nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh. - Có vạch chia dung tích. - Pittông: có khóa bẻ gãy để hủy. - Đã được tiệt trùng. - Đạt tiêu chuẩn TCVN 5903 hoặc ISO 7886 hoặc tương đương. 	Cái	500

STT	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
		- Xuất xứ: Việt Nam		
5	Bơm tiêm nhựa 5ml	<ul style="list-style-type: none"> - Bơm tiêm 5ml. - Chất liệu: nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh. . - Có vạch chia dung tích. - Pittông: có khóa bẻ gãy để hủy. - Kim làm bằng thép không gỉ, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23Gx1”, 25Gx1”. - Đã được tiệt trùng. - Đạt tiêu chuẩn TCVN 5903 hoặc ISO 7886 hoặc tương đương. - Xuất xứ: Việt Nam 	Cái	60.000
6	Bộ dây truyền dịch	<ul style="list-style-type: none"> - Độ dài dây dẫn ≥ 180cm, chất liệu bằng nhựa nguyên sinh PVC, đường kính trong: khoảng từ 2.8mm đến 3.5mm, đường kính ngoài: khoảng từ 3.8mm đến 4.5mm. - Có van thoát khí, có khóa điều chỉnh tốc độ truyền, có bầu đếm giọt, có cổng tiêm thuốc hình chữ Y, có màng lọc dịch, Có thiết kế màng lọc khí vô khuẩn. - Kim truyền 2 cánh bướm, cỡ kim 23G - Đã tiệt trùng. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016. 	Bộ	15.000
7	Găng khám bệnh	<ul style="list-style-type: none"> - Găng tay khám bệnh dùng trong y tế. - Chất liệu: cao su tự nhiên. 	Đôi	65.000

STT	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
		<ul style="list-style-type: none"> - Chiều dài: $\geq 220\text{mm}$. - Độ dày tại vị trí ngón tay và lòng bàn tay: $\geq 0.08\text{mm}$. - Độ bền kéo tối thiểu trước khi già hóa tăng tốc: 18Mpa. - Độ bền kéo tối thiểu sau khi già hóa tăng tốc: 14Mpa. - Độ giãn dài tối thiểu khi đứt trước khi già hoá tăng tốc: 650%. - Độ giãn dài tối thiểu khi đứt sau khi già hóa tăng tốc: 500%. - Lượng bột: $\leq 10\text{mg}/\text{dm}^2$. - Có các cỡ theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất. 		
8	Kim lều tĩnh mạch 22G	<ul style="list-style-type: none"> - Kim lều tĩnh mạch có cánh cỡ 22G. - Có cán cánh và cổng bơm thuốc. - Ống thông (Catheter) bằng chất liệu PTFE/PUR/FEP/ETFE chống vặn xoắn, có đường 2-3 cản quang. - Kim: <ul style="list-style-type: none"> + Mũi kim sắc bén vát 3 cạnh. + Chất liệu: Thép không gỉ, có tráng silicon. - Thời gian lưu kim: ≥ 72 giờ. - Cánh kim hình cánh bướm mềm dẻo, cố định. - Cổng bơm thuốc có khả năng chảy ngược. - Buồng chứa máu trong suốt, có nắp khóa luer. - Cỡ kim - đường kính: $(0,9 \times 25)\text{mm} (\pm 5\%)$ - Đã tiệt trùng 	Cái	4.000